

Mẫu số 09
Mã hiệu:.....
Số:.....

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

(Kèm giấy rút dự toán số: CKKB 601 ngày 16 tháng 12 năm 2025)

.Tài khoản dự toán ☒ .Tài khoản tiền gửi ☐

- Đơn vị sử dụng ngân sách: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai
 - Mã đơn vị: 1052433
 - Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: Vietinbank - Chi nhánh KCN Biên Hòa, Đồng Nai.
- I. Nội dung đề nghị thanh toán: Thanh toán tiền khen thưởng năm 2025, phụ cấp công tác phí tháng 10,11 năm 2025**

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:							Ghi chú
		Số Tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Tiền lương và phụ cấp theo lương đối với công chức, viên chức	Tiền công lao động theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoán công tác phí	Tiền học bổng	
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng cộng			206.410.000	0	0	0	183.690.000	22.720.000	0		
I	Đối với công chức, viên chức			189.658.000	0	0	0	174.564.000	17.200.000	0		
1	Nguyễn Quốc Hân	103863476789	Vietinbank	300.000					300.000			
2	Nguyễn Mạnh Thắng	107867206890	Vietinbank	1.002.000				702.000	300.000			
3	Lê Nguyễn Thắng	105868101523	Vietinbank	2.340.000				2.340.000				
4	Ngô Hữu Nghĩa	100004474882	Vietinbank	702.000				702.000				
5	Phan Văn Phong	106004447968	Vietinbank	2.340.000				2.340.000				
6	Vũ Văn Chương	108004447966	Vietinbank	702.000				702.000				
7	Ngô Văn Đạt	669777777777	Vietinbank	702.000				702.000				
8	Nguyễn Hoàng Phong	104004318038	Vietinbank	702.000				702.000				
9	Nguyễn Việt Hạnh	107004439253	Vietinbank	702.000				702.000				
10	Vũ Thị Hồng Uyên	102004492344	Vietinbank	702.000				702.000				
11	La Minh Dũng	107004318023	Vietinbank	702.000				702.000				
12	Phạm Xuân Nam	100004773965	Vietinbank	1.502.000				702.000	800.000			
13	Đặng Thị Thanh Huyền	102004229731	Vietinbank	702.000				702.000				
14	Trần Thị Kim Thu	102004439273	Vietinbank	702.000				702.000				
15	Nguyễn Thị Thủy	101004439274	Vietinbank	1.302.000				702.000	600.000			
16	Trần Thị Yến	105004519821	Vietinbank	702.000				702.000				
17	Trần Thị Hương Sen	109004245689	Vietinbank	3.140.000				2.340.000	800.000			
18	Nguyễn Văn Huyền	103618010185	Vietinbank	702.000				702.000				
19	Lê Thị Trí	109005010463	Vietinbank	702.000				702.000				

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:							Ghi chú
		Số Tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Tiền lương và phụ cấp theo lương đối với công chức, viên chức	Tiền công lao động theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoán công tác phí	Tiền học bổng	
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11	12
20	Trần Thị Thu Sương	100005071672	Vietinbank	702.000				702.000				
21	Nguyễn Tiến Dũng	105005110547	Vietinbank	702.000				702.000				
22	Nguyễn Thị Hồng	103005528770	Vietinbank	2.340.000				2.340.000				
23	Huỳnh Thanh Tùng	100882850722	Vietinbank	702.000				702.000				
24	Nguyễn Như Quang Nhật	107004318035	Vietinbank	2.340.000				2.340.000				
25	Lê Thị Nga	105005542018	Vietinbank	702.000				702.000				
26	Nguyễn Thị Hằng	101005542009	Vietinbank	702.000				702.000				
27	Trần Thị Linh Chi	103005864485	Vietinbank	2.340.000				2.340.000				
28	Đặng Ngọc Dung	102004439260	Vietinbank	2.340.000				2.340.000				
29	Nguyễn Thanh Bình	106004898147	Vietinbank	2.540.000				2.340.000	200.000			
30	Nguyễn Thị Minh Thùy	107006178182	Vietinbank	2.340.000				2.340.000				
31	Lê Hồng Thu	109004318046	Vietinbank	702.000				702.000				
32	Doãn Cao Sơn	108001594057	Vietinbank	702.000				702.000				
33	Nguyễn Chính Tâm	106005791758	Vietinbank	702.000				702.000				
34	Nguyễn Ngọc Lan	108004148231	Vietinbank	702.000				702.000				
35	Bùi Thị Mỹ Ngọc	107004474885	Vietinbank	702.000				702.000				
36	Vũ Thị Mỹ Liên	101004439259	Vietinbank	702.000				702.000				
37	Phan Quốc Phong	107005694803	Vietinbank	2.340.000				2.340.000				
38	Nguyễn Thị Bình	106004318024	Vietinbank	702.000				702.000				
39	Tổng Thị Thu Hiền	106001089361	Vietinbank	702.000				702.000				
40	Phan Ngọc Hưng	109003267928	Vietinbank	702.000				702.000				
41	Nguyễn Hoàng Anh	100004557815	Vietinbank	702.000				702.000				
42	Nguyễn Trung Kiên	105867862836	Vietinbank	702.000				702.000				
43	Phạm Quang Minh	100003267902	Vietinbank	702.000				702.000				
44	Đào Thị Quỳnh Giang	109003267897	Vietinbank	1.002.000				702.000	300.000			
45	Lê Văn Dũng	108003267944	Vietinbank	902.000				702.000	200.000			
46	Nguyễn Đình Thắng	101003267895	Vietinbank	702.000				702.000				
47	Đặng Hoàng Oanh	104005071680	Vietinbank	2.340.000				2.340.000				
48	Nguyễn Tự Do	105001327934	Vietinbank	702.000				702.000				
49	Nguyễn Thị Quý	105005542139	Vietinbank	2.940.000				2.340.000	600.000			
50	Nguyễn Thanh Hải	102001756671	Vietinbank	2.940.000				2.340.000	600.000			

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:							Ghi chú
		Số Tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Tiền lương và phụ cấp theo lương đối với công chức, viên chức	Tiền công lao động theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoán công tác phí	Tiền học bổng	
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11	12
51	Nguyễn Nhật Khang	104005441817	Vietinbank	702.000				702.000				
52	Lê Thị Yến	105005626304	Vietinbank	2.340.000				2.340.000				
53	Phùng Đức Nam	109004676316	Vietinbank	702.000				702.000				
54	Trần Đình Phi Long	107868497911	Vietinbank	2.340.000				2.340.000				
55	Nguyễn Hoàng Thế Anh	108004076149	Vietinbank	702.000				702.000				
56	Phạm Minh Tuấn	105004439267	Vietinbank	702.000				702.000				
57	Mai Thời Vũ	106004318036	Vietinbank	702.000				702.000				
58	Huỳnh Văn Huy	105002460431	Vietinbank	2.940.000				2.340.000	600.000			
59	Bùi Đức Diễm	108867118351	Vietinbank	2.940.000				2.340.000	600.000			
60	Hoàng Mai Ly	101868348509	Vietinbank	702.000				702.000				
61	Nguyễn Thị Cẩm Thu	101867252226	Vietinbank	2.340.000				2.340.000				
62	Đặng Thị Thanh Tâm	108004144741	Vietinbank	702.000				702.000				
63	Nguyễn Văn Bằng	103004318039	Vietinbank	702.000				702.000				
64	Lê Văn Cao	109004439263	Vietinbank	2.340.000				2.340.000				
65	Nguyễn Thị Bích Ngọc	106868337484	Vietinbank	2.340.000				2.340.000				
66	Trần Hoàng Thi	107005230015	Vietinbank	802.000				702.000	100.000			
67	Trần Mỹ Hạnh	105001485842	Vietinbank	702.000				702.000				
68	Huỳnh Việt Trí	103001376162	Vietinbank	702.000				702.000				
69	Nguyễn Thị Thu Hiền	107871545020	Vietinbank	702.000				702.000				
70	Nguyễn Thị Hiền	106871984671	Vietinbank	702.000				702.000				
71	Nguyễn Tiến Đạt	107872032786	Vietinbank	3.140.000				2.340.000	800.000			
72	Phạm Văn Chiu	101875201602	Vietinbank	2.340.000				2.340.000				
73	Nguyễn Hải Thương	105004318025	Vietinbank	702.000				702.000				
74	Hà Quốc Hùng	103004318027	Vietinbank	702.000				702.000				
75	Nguyễn Duy Sỹ	103005368149	Vietinbank	702.000				702.000				
76	Trần Thị Loan	101005528772	Vietinbank	702.000				702.000				
77	Triu A Sám	108877754180	Vietinbank	702.000				702.000				
78	Nguyễn Thị Hoài Thu	101871228371	Vietinbank	2.340.000				2.340.000				
79	Trương Kim Quyết	105869823491	Vietinbank	2.340.000				2.340.000				
80	Dương Văn Khánh	109004317948	Vietinbank	702.000				702.000				
81	Đoàn Thị Hương	102004439258	Vietinbank	2.340.000				2.340.000				

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:							Ghi chú
		Số Tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Tiền lương và phụ cấp theo lương đối với công chức, viên chức	Tiền công lao động theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoán công tác phí	Tiền học bổng	
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11	12
82	Phạm Văn Luật	101878695424	Vietinbank	702.000				702.000				
83	Hồ Thị Thùy Linh	888868358888	Vietinbank	702.000				702.000				
84	Điền Thị Hồng	101004284704	Vietinbank	702.000				702.000				
85	Nguyễn Thanh Trang	109601190297	Vietinbank	2.340.000				2.340.000				
86	Nguyễn Đình Phước	109872227863	Vietinbank	702.000				702.000				
87	Ứng Thị Hoàng Ngân	101876200902	Vietinbank	1.302.000				702.000	600.000			
88	Trịnh Hoàng Anh	105881962752	Vietinbank	702.000				702.000				
89	Lê Trần Trung Hiếu	107600220398	Vietinbank	702.000				702.000				
90	Trần Đình Ngọc	103881962658	Vietinbank	702.000				702.000				
91	Nguyễn Tấn Sang	107881962381	Vietinbank	702.000				702.000				
92	Lưu Phan Thắng	107867863206	Vietinbank	702.000				702.000				
93	Hoàng Hưng	102003194858	Vietinbank	702.000				702.000				
94	Trần Thanh Sơn	107003267899	Vietinbank	702.000				702.000				
95	Vũ Huyền Mai	106883982072	Vietinbank	702.000				702.000				
96	Lê Thị Tú Uyên	109883996295	Vietinbank	702.000				702.000				
97	Trần Xuân Thìn	104004439271	Vietinbank	702.000				702.000				
98	Lê Sỹ Linh	100869707328	Vietinbank	702.000				702.000				
99	Lê Trần Thọ	107884110946	Vietinbank	702.000				702.000				
100	Bùi Văn Thi	107004447967	Vietinbank	2.340.000				2.340.000				
101	Nguyễn Văn Chạm	107005159065	Vietinbank	702.000				702.000				
102	Nguyễn Quốc Dũng	105004447969	Vietinbank	1.502.000				702.000	800.000			
103	Nguyễn Thế Vinh	102005936011	Vietinbank	702.000				702.000				
104	Lưu Văn Cầm	103854516789	Vietinbank	1.102.000				702.000	400.000			
105	Nguyễn Thanh Mến	108004039352	Vietinbank	3.744.000				3.744.000				
106	Trịnh Duy Trung	101004842844	Vietinbank	1.102.000				702.000	400.000			
107	Thân Văn Chéo	103883661918	Vietinbank	702.000				702.000				
108	Phan Hữu B	101004447976	Vietinbank	702.000				702.000				
109	Vũ Văn Khấn	106874703612	Vietinbank	1.302.000				702.000	600.000			
110	Lữ Thị Minh Phúc	101005936012	Vietinbank	1.502.000				702.000	800.000			
111	Lê Phụ Vũ	106004447983	Vietinbank	702.000				702.000				

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:							Ghi chú
		Số Tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Tiền lương và phụ cấp theo lương đối với công chức, viên chức	Tiền công lao động theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoán công tác phí	Tiền học bổng	
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11	12
112	Nguyễn Thị Thủy	107004447982	Vietinbank	702.000				702.000				
113	Vũ Thị Thủy Mai	107004150053	Vietinbank	1.404.000				1.404.000				
114	Võ Thị Kim Ánh	101004447988	Vietinbank	702.000				702.000				
115	Lê Văn Hòa	105002482710	Vietinbank	702.000				702.000				
116	Đỗ Thị Lụa	101004447990	Vietinbank	702.000				702.000				
117	Đàm Thị Vang	105004447984	Vietinbank	2.404.000				1.404.000	1.000.000			
118	Thạch Kim Hùng	106847071122	Vietinbank	702.000				702.000				
119	Hà Văn Chuyên	104868326691	Vietinbank	702.000				702.000				
120	Nguyễn Thị Thanh Huyền	108004688956	Vietinbank	3.642.000				3.042.000	600.000			
121	Nguyễn Thành Nam	102007086456	Vietinbank	1.502.000				702.000	800.000			
122	Phạm Thị Khánh Trang	104007119695	Vietinbank	3.042.000				3.042.000				
123	Đào Thị Tân	101005545006	Vietinbank	2.004.000				1.404.000	600.000			
124	Phạm Thị Thùy Linh	100006005806	Vietinbank	2.340.000				2.340.000				
125	Bế Thị Nhung	108006066131	Vietinbank	1.404.000				1.404.000				
126	Lê Thị Hồng Phương	109006160203	Vietinbank	1.404.000				1.404.000				
127	Võ Thị Dung	106004076068	Vietinbank	702.000				702.000				
128	Nguyễn Thị Ngọc Tiên	102005372533	Vietinbank	702.000				702.000				
129	Trương Thanh Tuấn	104873744517	Vietinbank	702.000				702.000				
130	Nguyễn Y Van	106869454750	Vietinbank	1.302.000				702.000	600.000			
131	Nguyễn Thị Mai Hương	105827937979	Vietinbank	2.340.000				2.340.000				
132	Nguyễn Kim Hằng	101827927968	Vietinbank	1.404.000				1.404.000				
133	Lê Thị Hồng	109006066130	Vietinbank	702.000				702.000				
134	Võ Tuấn Phi	108004777418	Vietinbank	702.000				702.000				
135	Hoàng Văn Công	108001581513	Vietinbank	1.404.000				1.404.000				
136	Dương Thị Tuyết Mai	102007127088	Vietinbank	702.000				702.000				
137	Nguyễn Thị Hà	100868326791	Vietinbank	702.000				702.000				
138	Trần Văn Nam	101000883219	Vietinbank	3.942.000				3.042.000	900.000			
139	Nguyễn Cao Đăng	108004076188	Vietinbank	1.502.000				702.000	800.000			
140	Lê Huyền Kim	109006867925	Vietinbank	702.000				702.000				

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:							Ghi chú
		Số Tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Tiền lương và phụ cấp theo lương đối với công chức, viên chức	Tiền công lao động theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoán công tác phí	Tiền học bổng	
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11	12
141	Huỳnh Thị Dạ Lan	107005112940	Vietinbank	1.404.000				1.404.000				
142	Lê Thanh Phong	100866674843	Vietinbank	1.302.000				702.000	600.000			
143	Lê Thị Thùy Linh	105878126578	Vietinbank	2.340.000				2.340.000				
144	Lê Trần Minh Hoài	108872925793	Vietinbank	1.002.000				702.000	300.000			
145	Đinh Hoàng Yến	107880378446	Vietinbank	702.000				702.000				
146	Đỗ Hồng Nhung	105880378450	Vietinbank	702.000				702.000				
147	Quách Đại Vũ	109883526131	Vietinbank	1.302.000				702.000	600.000			
148	Phạm Minh Hiếu	103882177388	Vietinbank	2.340.000				2.340.000				
149	Ngô Thị Thùy Trang	102873706365	Vietinbank	702.000				702.000				
150	Nguyễn Dương Hào	102882174897	Vietinbank	702.000				702.000				
151	Ngô Gia Hào	103890153979	Vietinbank	702.000				702.000				
152	Trần Nguyên Thành	101883994186	Vietinbank	702.000				702.000				
153	Nguyễn Thị Trang Hoàng	108001700342	Vietinbank	702.000				702.000				
154	Lê Trung Thông	107002355616	Vietinbank	702.000				702.000				
155	Lê Như Quỳnh	102881962200	Vietinbank	702.000				702.000				
II	Đối với lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP			14.646.000	0	0	0	9.126.000	5.520.000	0		
1	Nguyễn Văn Thiệu	108004317949	Vietinbank	1.702.000				702.000	1.000.000			
2	Nguyễn Văn Uân	107004787966	Vietinbank	702.000				702.000				
3	Châu Minh Hải	108005694936	Vietinbank	1.922.000				702.000	1.220.000			
4	Võ Thị Ngọc Hương	105001700332	Vietinbank	702.000				702.000				
5	Nguyễn Văn Trọng	108003185298	Vietinbank	702.000				702.000				
6	Nguyễn Thị Thu Hiền	108003492293	Vietinbank	702.000				702.000				
7	Phạm Quang Minh	107881871196	Vietinbank	702.000				702.000				
8	Phạm Thị Huyền	107867251833	Vietinbank	702.000				702.000				
9	Võ Lê Khanh	104873176588	Vietinbank	1.002.000				702.000	300.000			
10	Đỗ Trung Nguyên	106004447995	Vietinbank	3.402.000				702.000	2.700.000			
11	Trần Đình Thủy	107004447994	Vietinbank	1.002.000				702.000	300.000			

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:							Ghi chú
		Số Tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Tiền lương và phụ cấp theo lương đối với công chức, viên chức	Tiền công lao động theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoán công tác phí	Tiền học bổng	
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11	12
12	Phạm Đức Thuận	107005563934	Vietinbank	702.000				702.000				
13	Lê Văn Kiên	108005169788	Vietinbank	702.000				702.000				

Tổng số tiền bằng chữ: Hai trăm không sáu triệu bốn trăm mười nghìn đồng.

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước:

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Kim Hằng

Chuyên viên kiểm soát chi/Giao dịch viên

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)


Trần Thị Linh Chi
KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Đồng Nai; ngày 16 tháng 12 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Quốc Hân

Ngày tháng 12 năm 2025

Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng
được ủy quyền/ Giám đốc KBNN quận, huyện